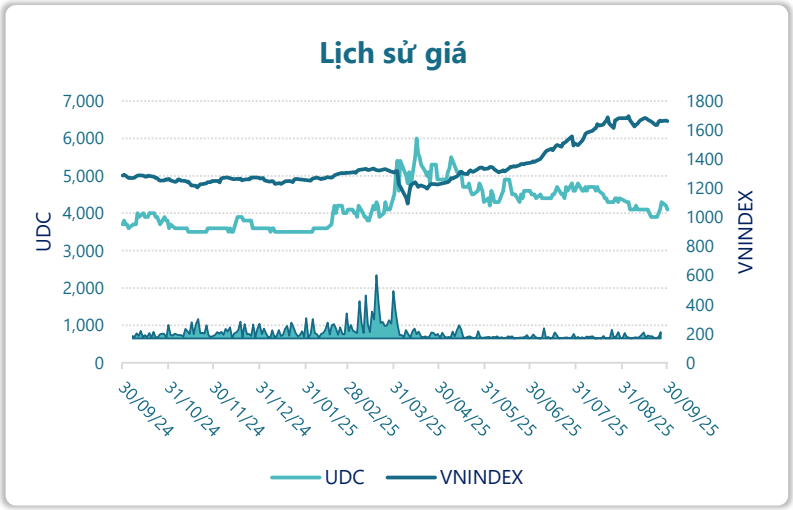
FireAnt

CTCP Đầu tư xây dựng UDCONS (UPCOM: UDC)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,500
SL cổ phiếu LH	34,706,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	30,600
% sở hữu nước ngoài	11.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	142
P/E	-3.6
EPS	-1,148

DT thuần

Q3/25

68.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.90| -9.2%

YoY: ▲ 8.60| 14.4%

LN sau thuế

Q3/25

-13.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.70| 11.3%

YoY: ▲ 1.70| 11.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

0.1%

+/- YoY: ▲ 13.1%

DT thuần

9T 2025

165

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 15.0| 10.4%

LN sau thuế

9T 2025

-38.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.20| 13.9%

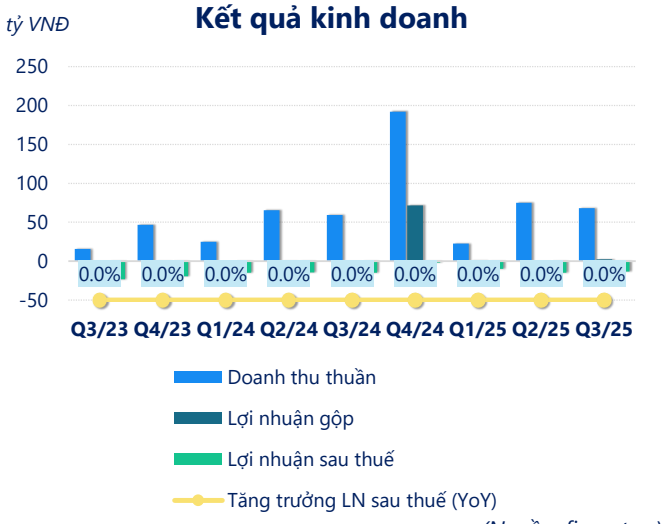
ROE

Q3/25

-21.7%

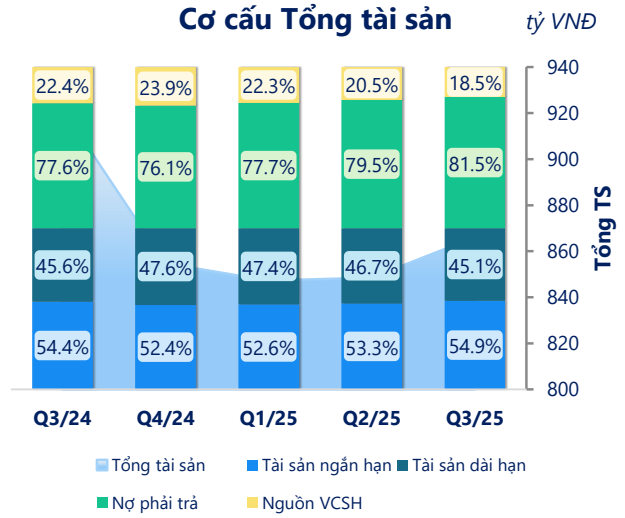
+/- YoY: ▲ 1.1%

Kết quả kinh doanh



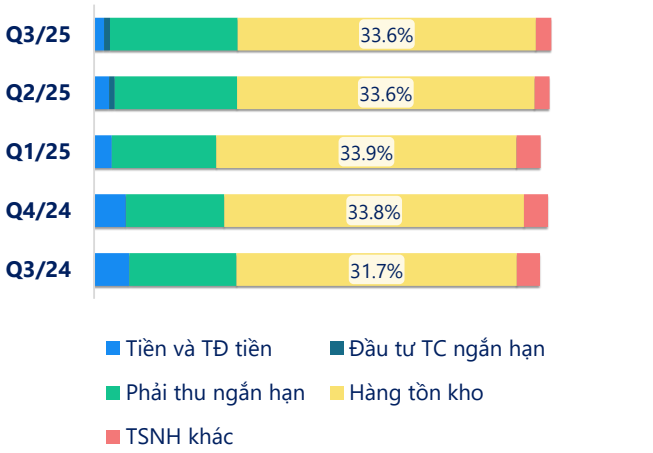
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



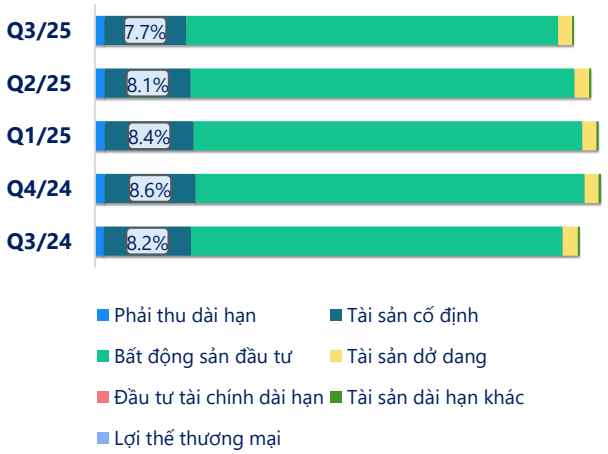
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



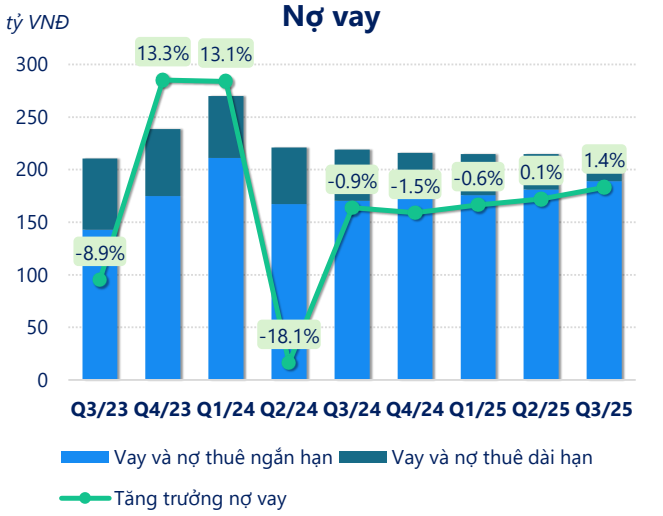
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



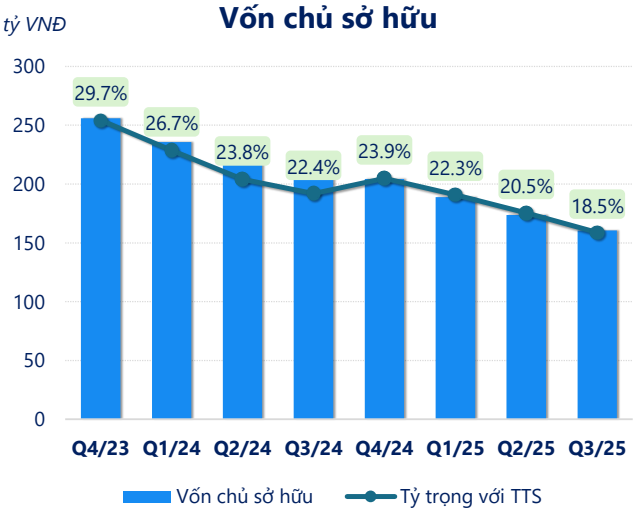
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



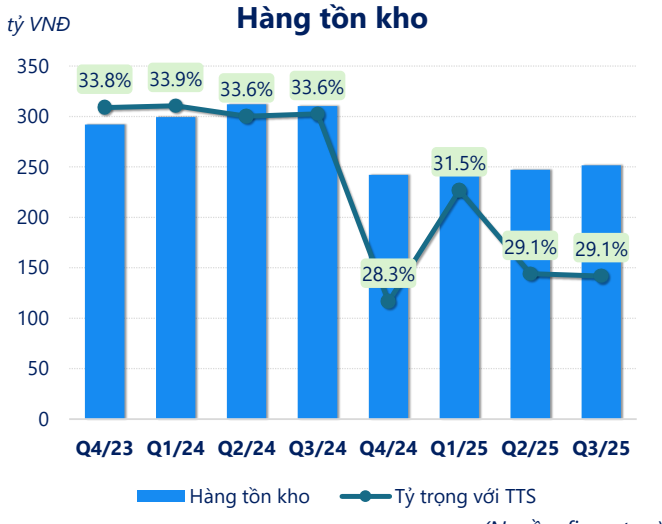
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



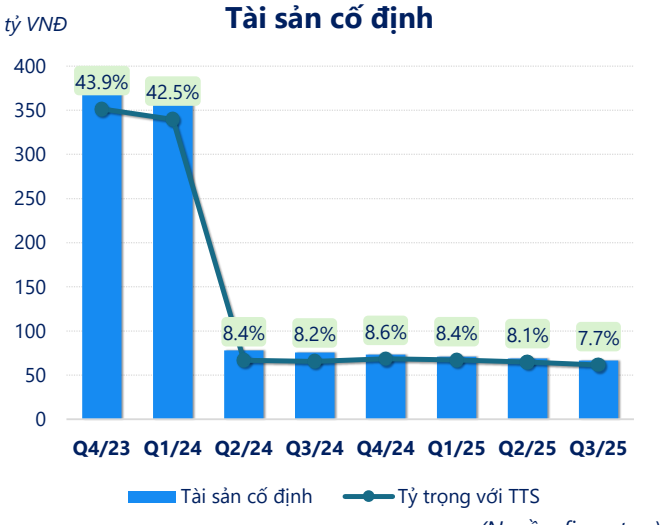
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



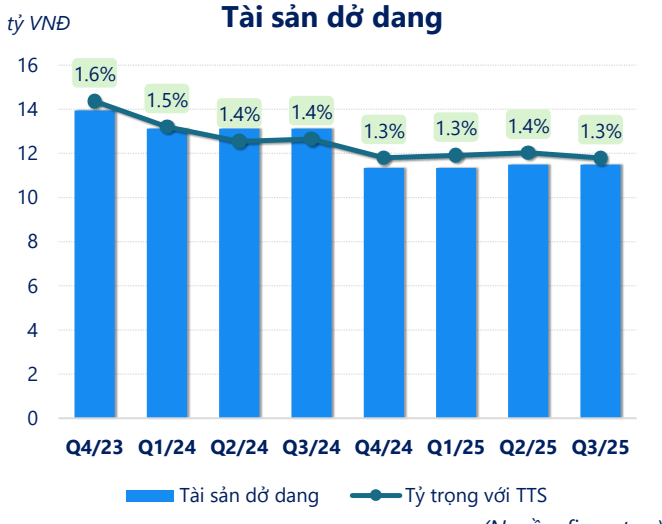
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



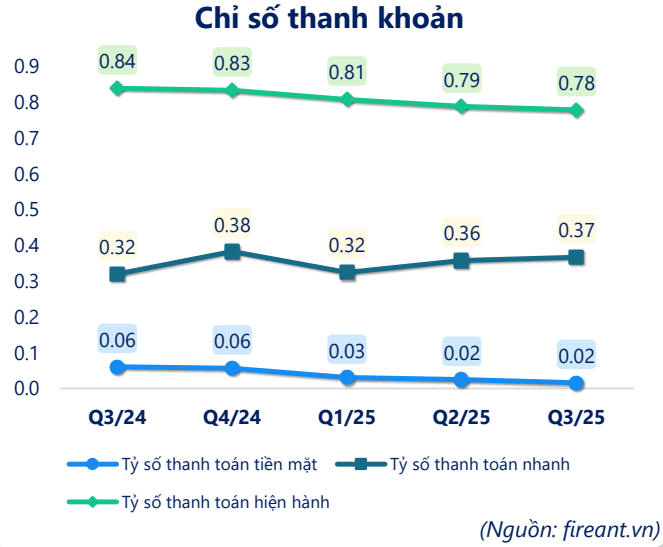
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



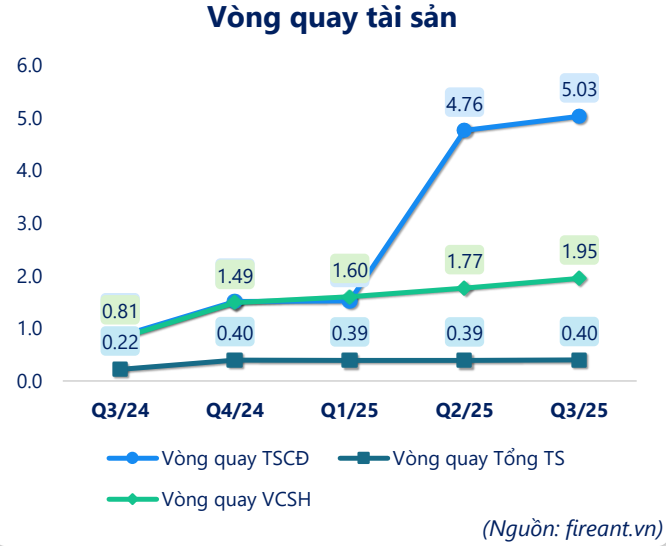
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**922**	**855**	**847**	**849**	**866**
Tài sản ngắn hạn	**502**	**448**	**446**	**453**	**476**
Tiền và tương đương tiền	36.3	30.5	17.0	14.3	9.81
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.96	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	133	163	145	178	202
Hàng tồn kho	310	242	267	247	252
Tài sản ngắn hạn khác	16.0	12.7	17.1	13.7	12.8
Tài sản dài hạn	**420**	**407**	**401**	**396**	**390**
Phải thu dài hạn	7.72	7.74	7.74	7.74	7.72
Tài sản cố định	75.6	73.2	71.0	68.7	66.5
Bất động sản đầu tư	322	313	309	306	303
Tài sản dở dang	13.1	11.3	11.3	11.5	11.5
Đầu tư tài chính dài hạn	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tài sản dài hạn khác	1.74	1.85	1.73	1.64	1.45
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**716**	**650**	**658**	**675**	**706**
Nợ ngắn hạn	**598**	**538**	**552**	**574**	**611**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	170	172	176	181	189
Phải trả người bán ngắn hạn	85.2	89.8	100	98.9	112
Nợ dài hạn	118	113	106	100	94.4
Vay và nợ thuê dài hạn	48.8	43.8	38.8	33.8	28.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	**206**	**204**	**189**	**174**	**160**
Vốn chủ sở hữu	**206**	**204**	**189**	**174**	**160**
Vốn điều lệ	350	350	350	350	350
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)